

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019-2022

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan ngày 12 tháng 11 năm 2018;

Để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là Hiệp định CPTPP) giai đoạn 2019 - 2022 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019 – 2022

1. Ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi để thực hiện Hiệp định CPTPP.

b) Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP; Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP.

2. Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số hoặc 10 số. Việc áp dụng cột “Mô tả hàng hóa” chi tiết đến cấp độ 8 số theo Nghị định này được thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Phân loại hàng hóa thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

3. Cột “Thuế suất (%)” tại Phụ lục I và Phụ lục II, cột “Mức thuế tuyệt đối (USD/chiếc)” tại Phụ lục II: Mức thuế tương ứng với các nước được hưởng ưu đãi áp dụng cho các giai đoạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 và Khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

4. Cột “Ghi chú” tại Phụ lục II bao gồm các ký hiệu:

a) Ký hiệu “TRQ1”: Các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương.

b) Ký hiệu “TRQ2”: Các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương.

c) Ký hiệu “*”: Hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Hiệp định CPTPP.

Điều 4. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi thực hiện Hiệp định CPTPP

1. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo các giai đoạn khi xuất khẩu sang từng nước quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này đối với từng mã hàng.

2. Các mặt hàng không thuộc Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được áp dụng mức thuế suất 0% khi xuất khẩu sang lãnh thổ các nước quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

3. Thuế suất áp dụng cho giai đoạn 2019-2022:

a) Liên bang Mê-hi-cô áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

a.1) từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(I)”.

a.2) từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(II)”.

a.3) từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(III)”.

a.4) từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

b) Các nước Ô-xtr-rây-lia, Ca-na-đa, Nhật Bản, Niu Di-lân, Cộng hòa Xinh-ga-po áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

b.1) từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(II)”.

b.2) từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(III)”.

b.3) từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

b.4) từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.

4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được nhập khẩu vào lãnh thổ các nước theo quy định tại Hiệp định CPTPP, bao gồm:

a.1) Ô-xtr-rây-lia;

a.2) Ca-na-đa;

a.3) Nhật Bản;

a.4) Liên bang Mê-hi-cô;

a.5) Niu Di-lân;

a.6) Cộng hòa Xinh-ga-po;

b) Có chứng từ vận tải thể hiện đích đến thuộc lãnh thổ các nước được quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

c) Có bản sao tờ khai nhập khẩu tại lãnh thổ các nước được quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

5. Tại thời điểm làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khẩu áp dụng mức thuế suất quy định tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng

chịu thuế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

a) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu có mức thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thấp hơn mức thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng tương ứng quy định tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Trong vòng 1 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, người khai hải quan nộp chứng từ vận tải và bản sao tờ khai nhập khẩu quy định tại Điểm b và c Khoản 4 Điều này thì được cơ quan quản lý thuế xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không thuộc Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hàng hóa quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có mức thuế xuất khẩu ưu đãi bằng hoặc cao hơn mức thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng tương ứng quy định tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung thì không áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định CPTPP; Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP.

1. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định CPTPP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo các giai đoạn được nhập khẩu từ các nước quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này đối với từng mã hàng.

2. Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, mức thuế suất tuyệt đối theo các giai đoạn được nhập khẩu từ các nước quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này đối với từng mã hàng.

3. Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng thuộc các nhóm 87.02, 87.03, 87.04 áp dụng hạn ngạch thuế quan được thực hiện như sau:

a) Đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu trong lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là mức thuế hỗn hợp bao gồm: mức thuế suất (%) và mức thuế tuyệt đối của xe ô tô đã qua sử dụng quy định tại Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng = $X + Y$.

Trong đó:

X = Giá tính thuế xe ô tô đã qua sử dụng theo quy định của pháp luật nhân (x) với mức thuế suất của dòng thuế xe ô tô đã qua sử dụng cùng loại tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Y = Mức thuế tuyệt đối của xe ô tô đã qua sử dụng tương ứng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

b) Đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu ngoài lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP, thuế nhập khẩu được áp dụng tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

4. Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với các mặt hàng thuộc các nhóm 04.07, 17.01, 24.01 và 25.01 áp dụng hạn ngạch thuế quan được thực hiện như sau:

a) Đối với các mặt hàng nhập khẩu trong lượng hạn ngạch thuế quan TRQ1 hoặc TRQ2, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là mức thuế suất quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Đối với các mặt hàng nhập khẩu ngoài lượng hạn ngạch thuế quan TRQ1 hoặc TRQ2, thuế nhập khẩu được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Mức thuế áp dụng cho giai đoạn 2019-2022:

a) Liên bang Mê-hi-cô áp dụng mức thuế quy định tại Phụ lục II:

a.1) từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(I)”.

- a.2) từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(II)”.
- a.3) từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(III)”.
- a.4) từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

b) Các nước Ô-xtr-rây-li-a, Ca-na-đa, Nhật Bản, Niu Di-lân, Cộng hòa Xinh-ga-po, và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước) áp dụng mức thuế quy định tại Phụ lục II:

- b.1) từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(II)”.
- b.2) từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(III)”.
- b.3) từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.
- b.4) từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.

6. Điều kiện áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt hoặc Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Được xuất khẩu từ các nước sau vào Việt Nam:

- b.1) Ô-xtr-rây-li-a;
- b.2) Ca-na-đa;
- b.3) Nhật Bản;
- b.4) Liên bang Mê-hi-cô;
- b.5) Niu Di-lân;
- b.6) Cộng hòa Xinh-ga-po;

b.7) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước).

Trường hợp quá cảnh, chuyên tải thì phải đáp ứng điều kiện quá cảnh, chuyên tải theo quy định tại Hiệp định CPTPP.

c) Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định của Hiệp định CPTPP và pháp luật hiện hành.

7. Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu TRQ1 và TRQ2 được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP do Bộ Công Thương công bố.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì được cơ quan quản lý thuế xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).KN

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

